TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NGÃI** Bản án số: 64/2025/HS-ST Ngày 10/11/2025.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mến .

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Hoàng Minh Tân;

+ Ông Nguyễn Đình Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Trạng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2025/TLST-HS, ngày 01 tháng 10 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2025/QĐXXST-HS, ngày 07 tháng 10 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 124/2025/HSST-QĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Phi Đ3 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 09 tháng 02 năm 1986, tại Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn M, sinh năm 1960 và bà Ngô Thị T, sinh năm 1964; vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1986 (đã ly hôn năm 2024) và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/12/2024 đến ngày 09/01/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Tạ Đình Q (tên gọi khác: Không), sinh ngày 21 tháng 9 năm 1989, tại Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Thôn P, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Đình D, sinh năm 1967 và bà Phạm Thị O, sinh năm 1966; vợ Nguyễn Thị T1, sinh năm 1991 (cưới nhau nhưng chưa đăng ký kết hôn) và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/12/2024 đến ngày

09/01/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: Không), sinh ngày 28 tháng 7 năm 2000, tại Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T2, sinh năm 1960 và bà Võ Thị T3, sinh năm 1962; chưa có vợ, con; tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/12/2024 đến ngày 09/01/2025 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Huỳnh Thị Bích T4 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 12 tháng 02 năm 1988, tại Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh P, sinh năm 1970 và bà Huỳnh Thị T5, sinh năm 1971; chồng Lê T6, sinh năm 1985 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Hồ Thị Xuân P1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 21 tháng 6 năm 1979, tại Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Thôn V, xã V, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông không xác định và bà Hồ Thị Phương A, sinh năm 1951 (đã chết); chồng Lê Đức H1, sinh năm 1973 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền sự: Không.

Tiền án: có 01, ngày 26/4/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Quảng Ngãi) xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo Bản án số 52/2024/HS-ST, bị cáo kháng cáo, ngày 10/7/2024, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo Bản án số 72/2024/HS-PT.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Phạm Thị V4, sinh năm 1991; cư trú tại: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Khắc H2, sinh năm 1995; cư trú tại: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Lê Thị Thu H3, sinh năm 1974; cư trú tại: Tổ A, phường N, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Ánh T7, sinh năm 1982; cư trú tại: Số D N, phường C, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

5. Bà Cao Thị Thanh T8, sinh năm 1974; cư trú tại: Tổ C, phường N, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

6. Bà Trần Thị Thu H4, sinh năm 1990; cư trú tại: Thôn Đ, xã N, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

7. Bà Trần Thị Thu Á, sinh năm 1982; cư trú tại: Thôn Đ, xã N, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

8. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1978; cư trú tại: Tổ A, phường N, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

9. Bà Phạm Thị M1, sinh năm 1983; cư trú tại: Lô C P, phường N, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

10. Bà Lê Thị Hồng C, sinh năm 1984; cư trú tại: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

11. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1965; cư trú tại: Thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

12. Bà Đỗ Thị D1, sinh năm 1975; cư trú tại: Thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

13. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1986; cư trú tại: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

14. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1988; cư trú tại: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

15. Bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1981; cư trú tại: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

16. Bà Lê Thị Mỹ L2, sinh năm 1978; cư trú tại: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

17. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1977; cư trú tại: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

18. Bà Lê Thị L3, sinh năm 1977; cư trú tại: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

19. Bà Huỳnh Thị V1, sinh năm 1976; cư trú tại: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

20. Bà Phạm Thị T9, sinh năm 1970; cư trú tại: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

21. Bà Bạch Thị N, sinh năm 1975; cư trú tại: Thôn T, xã T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

22. Bà Võ Thị Ú, sinh năm 1984; cư trú tại: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

23. Bà Nguyễn Thị V2, sinh năm 1955; cư trú tại: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

24. Bà Đỗ Thị N1, sinh năm 1972; cư trú tại: Thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

25. Bà Hồ Thị N2, sinh năm 1971; cư trú tại: Thôn C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

26. Bà Đinh Thị Đ1, sinh năm 1976; cư trú tại: Tổ dân phố L, phường T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

27. Bà Lê Thị T10, sinh năm 1979; cư trú tại: Tổ dân phố L, phường T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

28. Bà Phạm Thị T11, sinh năm 1985; cư trú tại: Thôn H, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

29. Bà Phạm Thị Hồng L4, sinh năm 1977; cư trú tại: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

30. Bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1970; cư trú tại: Thôn V, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

31. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1985; cư trú tại: Thôn P, xã V, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

32. Bà Trần Thị T12, sinh năm 1967; cư trú tại: Thôn H, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

33. Bà Tô Thị T13, sinh năm 1997; cư trú tại: Thôn H, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

34. Bà Lê Thị Đ2, sinh năm 1970; cư trú tại: Thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

35. Bà Trương Thị Mỹ T14, sinh năm 1998; cư trú tại: Thôn T, xã V, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

36. Bà Lê Thị H5, sinh năm 1990; cư trú tại: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

37. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1968; cư trú tại: Thôn M, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

38. Bà Võ Thị B1, sinh năm 1965; cư trú tại: Thôn P, xã V, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

39. Bà Nguyễn Thị Thu H6, sinh năm 1972; cư trú tại: Thôn Đ, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

40. Bà Nguyễn Thị L5, sinh năm 1968; cư trú tại: Thôn P, xã V, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

41. Bà Tiêu Thị H7, sinh năm 1976; cư trú tại: Thôn P, xã V, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

42. Bà Lê Thị Bích H8, sinh năm 1971; cư trú tại: Thôn A, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

43. Bà Hồ Thị T15, sinh năm 1964; cư trú tại: Thôn L, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

44. Bà Mai Thị T16, sinh năm 1963; cư trú tại: Tổ dân phố E, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

45. Bà Bùi Thị V3, sinh năm 1972; cư trú tại: Thôn C, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

46. Bà Phạm Thị H9, sinh năm 1975; cư trú tại: Tổ dân phố B, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

47. Bà Lưu Thị T17, sinh năm 1977; cư trú tại: Tổ dân phố E, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

48. Bà Trần Thị H10, sinh năm 1972; cư trú tại: Tổ dân phố A, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

49. Bà Trần Thị Mai T18, sinh năm 1987; cư trú tại: Tổ dân phố A, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

50. Bà Nguyễn Thị Phương T19, sinh năm 1988; cư trú tại: Tổ dân phố A, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

51. Bà Nguyễn Thị Thu H11, sinh năm 1975; cư trú tại: Tổ dân phố C, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

52. Bà Ngô Thị Lan A1, sinh năm 1965; cư trú tại: Tổ dân phố D, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

53. Bà Hồ Thị Bích K1, sinh năm 1988; cư trú tại: Thôn L, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

54. Bà Võ Thị Yến N3, sinh năm 1982; cư trú tại: Tổ dân phố E, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

55. Bà Đặng Thị Thu T20, sinh năm 1982; cư trú tại: Tổ dân phố B, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

56. Bà Trần Thị N4, sinh năm 1986; cư trú tại: Tổ dân phố B, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

57. Bà Trần Thị Kim C3, sinh năm 1969; cư trú tại: Tổ dân phố A, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

58. Bà Hồ Thị Yến N5, sinh năm 2005; cư trú tại: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

59. Bà Hồ Thị Y, sinh năm 1999; cư trú tại: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

60. Bà Lê Thị Thu H12, sinh năm 1995; cư trú tại: Thôn B, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

61. Bà Nguyễn Thị Ngọc H13, sinh năm 1990; cư trú tại: Thôn A, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

62. Bà Vòng Nhì Mỹ L6, sinh năm 2001; cư trú tại: Thôn B, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

63. Bà Lương Thị Thanh T21, sinh năm 1985; cư trú tại: Thôn T, xã T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

64. Bà Đinh Thị Thu T22, sinh năm 1984; cư trú tại: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

65. Ông Nguyễn Tấn T23, sinh năm 1986; cư trú tại: Thôn N, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

66. Ông Tu Thanh B2, sinh năm 1988; cư trú tại: Thôn L, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

67. Ông Đỗ Tiến M3, sinh năm 1983; cư trú tại: Thôn T, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử văng mặt.

68. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1991; cư trú tại: Thôn B, xã M, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

69. Bà Nguyễn Thị O1, sinh năm 1990; cư trú tại: Thôn V, xã B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Phi Đ3 là Giám đốc Công ty TNHH T24, địa chỉ: C N, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay là phường N, tỉnh Quảng Ngãi), mã số doanh nghiệp: 4300895856; đăng ký lần đầu vào ngày 29/02/2024. Từ tháng 6/2024 đến tháng 9/2024, Đ3 quen biết, bàn bạc, thỏa thuận riêng với Tạ Đình Q, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Thị Bích T4 và đối tượng Phạm Thị V4 về hoạt động cho vay tiền. Sau khi bàn bạc, các bị cáo, đối tượng trên thống nhất như sau:

Nguyễn Phi Đ3 có nguồn tiền để thực hiện hoạt động cho vay; Tạ Đình Q, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Thị Bích T4 và đối tượng Phạm Thị V4 có trách nhiệm tìm khách cho vay tiền rồi báo lại cho Đ3 thông tin của khách vay và số tiền vay. Điệp hướng dẫn các bị cáo, đối tượng trên cho khách vay viết "giấy mượn tiền" bao gồm các thông tin: Họ và tên, địa chỉ, số điện thoại, nội dung mượn tiền ghi rõ mượn tiền của Nguyễn Phi Đ3, số tiền mượn, thời hạn trả tiền là 01 tháng, không ghi lãi suất. Sau khi viết giấy xong, yêu cầu khách vay đưa căn cước công dân, đặt căn cước trên giấy mượn tiền của khách vay rồi chụp hình, điểm chỉ tay vào giấy mượn tiền. Sau khi hoàn thành, trả lại căn cước cho khách vay, còn giấy mượn tiền thì các bị cáo và đối tượng V4 giữ lại, khách vay không giữ giấy tờ gì; sau đó, giấy mượn tiền sẽ chuyển lại cho Đ3 để cất giữ. Quá trình tìm khách cho vay tiền, Tạ Đình Q có cho Hồ Thị Xuân P1 vay tiền; sau đó, Q đề nghị P1 tìm

kiếm khách hàng vay tiền và hỗ trợ thu tiền góp, Q hướng dẫn P1 các thủ tục vay tiền như Đ3 đã thông báo trước đó thì P1 đồng ý.

Sau khi hoàn thành thủ tục vay, Nguyễn Phi Đ3 sử dụng các tài khoản số 336868989, Ngân hàng V7; tài khoản số 20867425268, Ngân hàng S; tài khoản số 0009941125082, Ngân hàng V8 đều đứng tên Nguyễn Phi Đ3 để chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng của Phạm Thị V4 (tài khoản số: 0991590915, Ngân hàng M5), Tạ Đình Q (tài khoản số 0271000933936, Ngân hàng V8), Huỳnh Thị Bích T4 (tài khoản số 1017039902, Ngân hàng V8), Hồ Thị Xuân P1 (tài khoản số 20430222, Ngân hàng M5), Nguyễn Văn Đ (tài khoản số 1015405713, Ngân hàng V8) để những người này chuyển tiền cho khách vay.

Về lãi suất cho vay, Đ3 quy định lãi suất mỗi khoản vay đều 10%/tháng (30 ngày), thu tiền lãi trước, thu tiền góp ngày đầu tiên, còn lại số tiền thực nhận sẽ chuyển cho khách vay. Điệp hưởng 60% lãi suất/khoản vay, 40% lãi suất/khoản vay còn lại sẽ được chia như sau:

- Đối với khách vay do Q, T4, V4 giới thiệu thì Q, T4, V4 hưởng lãi suất 40%lãi suất/khoản vay.

- Đối với khách vay do P1 giới thiệu thì Đ3 giao Quãng theo dõi, quản lý. Quãng thỏa thuận với P1 mỗi người được hưởng 20% lãi suất/khoản vay. Sau đó, Q thông báo thỏa thuận việc hưởng lãi suất giữa Q và P1 cho Đ3 biết.

- Đối với khách vay tại thành phố Q (cũ) do Q, Đ cùng giới thiệu thì Đ3 giao Quãng theo dõi, quản lý. Quãng thỏa thuận với Đ và thống nhất chia cho Đ 15% lãi suất/khoản vay, Quãng hưởng 25% lãi suất/khoản vay. Sau đó, Q thông báo về thỏa thuận việc hưởng lãi suất giữa Q và Đ cho Đ3 biết.

Hàng ngày, các bị cáo Tạ Đình Q, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Thị Bích T4, Hồ Thị Xuân P1 và đối tượng Phạm Thị V4 thu tiền góp của người vay tiền bằng cách chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt, ghi chú vào sổ theo dõi; đến cuối ngày, sẽ chuyển số tiền góp ngày thu được của người vay cho Nguyễn Phi Đ3.

Giữa tháng 8/2024, do số lượng người vay nhiều, để dễ quản lý, kiểm soát được các khoản vay, Đ3 nhờ đối tượng Nguyễn Khắc H2 (là em ruột Đ3) lập bảng theo dõi trên E vì biết H2 giỏi máy tính thì H2 đồng ý. Sau đó, Đ3 hướng dẫn H2 lập các bảng tính, đặt tên các trường thông tin trong bảng; hàng ngày, Q, Đ, Đ3 báo cáo số liệu liên quan đến hoạt động cho vay để H2 nhập vào bảng và thực hiện các phép tính để theo dõi số liệu các khoản vay. Quá trình này, Đ3 không nói cho H2 biết lãi suất đối với mỗi khoản vay là 10%, H2 cũng không được hưởng lợi gì từ hoạt động cho vay của Đ3.

Với hình thức hoạt động cho vay nêu trên, từ tháng 6/2024 đến tháng 12/2024, các bị can và đối tượng nêu trên đã cho 67 người vay trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (các huyện B, T, S, T và thành phố Q cũ) với tổng số tiền mà cho vay là 1.996.000.000 đồng. Trong đó tổng số tiền gốc đã thu là 1.654.140.000 đồng, số tiền gốc chưa thu là 341.860.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu 199.600.000

đồng với số tiền lãi hợp pháp là 32.810.961 đồng và số tiền lãi bất chính là 166.789.039 đồng. Cụ thể:

** Đối với bị cáo Nguyễn Phi Đ3*

Nguyễn Phi Đ3 cho Phạm Thị V4 vay với tổng số tiền 10.000.000 đồng. Trong đó, tổng số tiền gốc đã thu là 10.000.000 đồng. Số tiền lãi đã thu 1.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 164.384 đồng, số tiền lãi bất chính là 835.616 đồng.

** Đối với bị cáo* Tạ Đình Q

Tạ Đình Q giúp Nguyễn Phi Đ3 cho Hồ Thị Xuân P1 và 07 công dân khác tại các phường T, N, Lê Hồng P2, Q, N (thành phố Q cũ) và xã N (huyện T cũ) vay với tổng số tiền 330.000.000 đồng. Trong đó, tổng số tiền gốc đã thu là 304.400.000 đồng, số tiền gốc chưa thu 25.600.000 đồng. Số tiền lãi đã thu 33.000.000 đồng với số tiền lãi hợp pháp là 5.424.658 đồng và số tiền lãi bất chính là 27.575.342 đồng. Cụ thể như sau:

1. Từ ngày 30/7/2024 đến ngày 30/9/2024, Hồ Thị Xuân P1 vay của Q 03 lần, tổng số tiền vay là 50.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc P1 đã trả cho Q là 45.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 5.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 821.918 đồng, số tiền lãi bất chính là 4.178.082 đồng.

2. Ngày 06/8/2024 và ngày 09/9/2024, bà Lê Thị Thu H3 vay của Q 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà H3 đã trả cho Q là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

3. Từ ngày 20/7/2024 đến ngày 11/9/2024, bà Nguyễn Thị Ánh T7 vay của Q 04 lần, tổng số tiền vay là 80.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà T7 đã trả cho Q là 65.400.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 8.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 1.315.068 đồng, số tiền lãi bất chính là 6.684.932 đồng.

4. Ngày 12/8/2024 và ngày 31/8/2024, bà Cao Thị Thanh T8 vay của Q 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà H3 đã trả cho Q là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

5. Từ ngày 17/7/2024 đến ngày 02/9/2024, Trần Thị Thu H4 vay của Q 04 lần, tổng số tiền vay là 40.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà H4 đã trả cho Q là 34.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 4.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 657.534 đồng, số tiền lãi bất chính là 3.342.466 đồng.

6. Ngày 15/8/2024 và ngày 08/9/2024, bà Trần Thị Thu Á vay của Q 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà Á đã trả cho Q là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

7. Từ ngày 25/7/2024 đến ngày 23/8/2024, bà Bùi Thị L vay của Q 03 lần, tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà

L đã trả cho Q là 30.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 493.151 đồng, số tiền lãi bất chính là 2.506.849 đồng.

8. Từ ngày 16/7/2024 đến ngày 08/9/2024, bà Phạm Thị M1 vay của Q 04 lần, tổng số tiền vay là 70.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà M1 đã trả cho Q là 70.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 7.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 1.150.685 đồng, số tiền lãi bất chính là 5.849.315 đồng.

** Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ*

Tạ Đình Q và Nguyễn Văn Đ giúp Nguyễn Phi Đ3 cho 22 công dân tại các xã T, T, các phường T, Q, N thuộc thành phố Q (cũ) và xã N, huyện T (cũ) *(có 04 công dân là khách vay của Q làm thủ tục vay, theo dõi lúc đầu; sau đó, Q chuyển cho Đ theo dõi, thu nợ hàng ngày)* vay với tổng số tiền 465.000.000 đồng. Trong đó, tổng số tiền gốc đã thu là 359.750.000 đồng, số tiền gốc chưa thu 105.250.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu 46.500.000 đồng với số tiền lãi hợp pháp là 7.643.836 đồng và số tiền lãi bất chính là 38.856.164 đồng. Cụ thể như sau:

1. Ngày 26/9/2024 và ngày 25/10/2024, bà Lê Thị Hồng C vay của Đ 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà C đã trả cho Đ là 13.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

2. Ngày 26/9/2024, bà Nguyễn Thị C1 vay của Đ số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà C1 đã trả cho Đ là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 164.384 đồng, số tiền lãi bất chính là 835.616 đồng.

3. Ngày 26/9/2024 và ngày 25/10/2024, bà Đỗ Thị D1 vay của Đ 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà D1 đã trả cho Đ là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

4. Từ ngày 27/9/2024 đến ngày 25/11/2024, bà Nguyễn Thị L1 vay của Đ 03 lần, tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà L1 đã trả cho Đ là 22.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 493.151 đồng, số tiền lãi bất chính là 2.506.849 đồng.

5. Ngày 26/7/2024 và ngày 29/10/2024, bà Phạm Thị V vay của Đ 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà V đã trả cho Đ là 15.100.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

6. Từ ngày 01/10/2024 đến ngày 22/11/2024, bà Nguyễn Thị M2 vay của Đ 04 lần, tổng số tiền vay là 40.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà M2 đã trả cho Đ là 35.700.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 4.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 657.534 đồng, số tiền lãi bất chính là 3.342.466 đồng.

7. Ngày 07/10/2024 và ngày 29/10/2024, bà Lê Thị Mỹ L2 vay của Đ 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà L2 đã trả cho Đ là 13.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

8. Ngày 07/10/2024 và ngày 29/11/2024, bà Nguyễn Thị K vay của Đ 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà K đã trả cho Đ là 13.300.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

9. Ngày 08/10/2024 và ngày 10/11/2024, bà Lê Thị L3 vay của Đ 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà L3 đã trả cho Đ là 16.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

10. Từ ngày 10/10/2024 đến tháng 11/2024, bà Huỳnh Thị V1 vay của Đ 03 lần, tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà V1 đã trả cho Đ là 23.300.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 493.151 đồng, số tiền lãi bất chính là 2.506.849 đồng.

11. Ngày 10/10/2024 và ngày 15/11/2024, bà Phạm Thị T9 vay của Đ 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà T9 đã trả cho Đ là 13.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

12. Ngày 14/10/2024 và ngày 12/11/2024, bà Bạch Thị N vay của Đ 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà N đã trả cho Đ là 12.100.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

13. Ngày 14/10/2024 và ngày 09/11/2024, bà Võ Thị Ú vay của Đ 02 lần, tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà Ú đã trả cho Đ là 8.300.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 164.384 đồng, số tiền lãi bất chính là 835.616 đồng.

14. Ngày 17/10/2024 và ngày 20/11/2024, bà Nguyễn Thị V2 vay của Đ 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà V2 đã trả cho Đ là 15.400.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

15. Ngày 27/11/2024, bà Đỗ Thị N1 vay của Đ số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà N1 đã trả cho Đ là 5.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 500.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 82.192 đồng, số tiền lãi bất chính là 417.808 đồng.

16. Từ tháng 10/2024 đến ngày 27/11/2024, bà Hồ Thị N2 vay của Đ 02 lần, tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà N2 đã trả cho Đ là 6.050.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 164.384 đồng, số tiền lãi bất chính là 835.616 đồng.

17. Ngày 12/10/2024 và tháng 11/2024, bà Đinh Thị Đ1 vay của Đ 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà Đ1 đã trả cho Đ là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

18. Từ ngày 07/10/2024 đến ngày 09/12/2024, bà Lê Thị T10 của Đ 03 lần, tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà T10 đã trả cho Đ là 21.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 493.151 đồng, số tiền lãi bất chính là 2.506.849 đồng.

19. Ngày 04/10/2024 và ngày 17/12/2024, bà Lê Thị Thu H3 vay của Đ 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà H3 đã trả cho Đ là 13.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

20. Từ ngày 20/9/2024 đến ngày 01/11/2024, bà Cao Thị Thanh T8 của Đ 03 lần, tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà T8 đã trả cho Đ là 22.100.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 493.151 đồng, số tiền lãi bất chính là 2.506.849 đồng.

21. Ngày 26/9/2024, bà Bùi Thị L vay của Đ số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà L đã trả cho Đ là 4.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 164.384 đồng, số tiền lãi bất chính là 835.616 đồng.

22. Ngày 06/10/2024 và ngày 20/11/2024, bà Phạm Thị M1 vay của Đ 02 lần, tổng số tiền vay là 40.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà M1 đã trả cho Đ là 36.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 4.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 657.534 đồng, số tiền lãi bất chính là 3.342.466 đồng.

** Đối với bị cáo* Huỳnh Thị Bích T4

Bị cáo Huỳnh Thị Bích T4 giúp Nguyễn Phi Đ3 cho 15 công dân tại xã B, B, B, B thuộc huyện B (cũ) vay tổng số tiền 409.000.000 đồng. Trong đó tổng số tiền gốc đã thu là 313.400.000 đồng, số tiền gốc chưa thu 95.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu 40.900.000 đồng với số tiền lãi hợp pháp là 6.723.288 đồng và số tiền lãi bất chính là 34.176.712 đồng. Cụ thể như sau:

1. Từ ngày 17/11/2024 đến ngày 27/12/2024, bà Phạm Thị T11 vay của T4 06 lần, tổng số tiền vay là 60.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà T11 đã trả cho T4 là 46.900.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 6.000.000đồng, số tiền lãi hợp pháp là 986.301 đồng, số tiền lãi bất chính là 5.013.699 đồng.

2. Ngày 17/11/2024 và ngày 12/12/2024, bà Phạm Thị Hồng L4 vay của T4 02 lần, tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà L4 đã trả cho T4 là 23.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 493.151 đồng, số tiền lãi bất chính là 2.506.849 đồng.

3. Từ ngày 18/11/2024 đến ngày 20/12/2024, bà Nguyễn Thị C2 vay của T4 05 lần, tổng số tiền vay là 61.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà C2 đã trả cho T4 là 46.700.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 6.100.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 1.002.740 đồng, số tiền lãi bất chính là 5.097.260 đồng.

4. Ngày 19/11/2024, bà Nguyễn Thị B vay của T4 số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà B đã trả cho T4 là 15.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.500.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 246.575 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.253.425 đồng.

5. Ngày 17/11/2024 và ngày 12/12/2024, bà Trần Thị T12 vay của T4 02 lần, tổng số tiền vay là 40.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà T12 đã trả cho T4 là 22.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 4.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 657.534 đồng, số tiền lãi bất chính là 3.342.466 đồng.

6. Ngày 20/11/2024 và ngày 14/12/2024, Tô Thị T13 vay của T4 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc T13 đã trả cho T4 là 15.200.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.767 đồng.

7. Ngày 20/11/2024 và ngày 19/12/2024, bà Lê Thị Đ2 vay của T4 02 lần, tổng số tiền vay là 12.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà Đ2 đã trả cho T4 là 10.400.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.200.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 197.260 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.002.740 đồng.

8. Từ ngày 21/11/2024 đến ngày 18/12/2024, Trương Thị Mỹ T14 vay của T4 03 lần, tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc T14 đã trả cho T4 là 23.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 493.151 đồng, số tiền lãi bất chính là 2.506.849 đồng.

9. Ngày 24/11/2024, Lê Thị H5 vay của T4 số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc H5 đã trả cho T4 là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

10. Ngày 25/11/2024 và ngày 08/12/2024, bà Nguyễn Thị X vay của T4 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà X đã trả cho T4 là 16.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

11. Ngày 26/11/2024, bà Võ Thị B1 vay của T4 số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà B1 đã trả cho T4 là 15.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.500.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 246.575 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.253.425 đồng.

12. Ngày 27/11/2024 và ngày 19/12/2024, bà Nguyễn Thị Thu H6 vay của T4 02 lần, tổng số tiền vay là 24.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà H6 đã trả cho T4 là 15.600.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là

2.400.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 394.251 đồng, số tiền lãi bất chính là 2.005.479 đồng.

13. Ngày 30/11/2024, bà Nguyễn Thị L5 vay của T4 số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà L5 đã trả cho T4 là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 164.384 đồng, số tiền lãi bất chính là 835.616 đồng.

14. Ngày 30/11/2024 và ngày 12/12/2024, bà Tiêu Thị H7 vay của T4 02 lần, tổng số tiền vay là 12.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà H7 đã trả cho T4 là 9.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.200.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 197.260 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.002.740 đồng.

15. Ngày 06/12/2024 và ngày 25/12/2024, bà Lê Thị Bích H8 vay của T4 02 lần, tổng số tiền vay là 40.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà H8 đã trả cho T4 là 23.200.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 4.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 657.534 đồng, số tiền lãi bất chính là 3.342.466 đồng.

** Đối với bị cáo* Hồ Thị Xuân P1

Bị cáo Tạ Đình Q và Hồ Thị Xuân P1 giúp Nguyễn Phi Đ3 cho 15 công dân tại các xã B, B, thị trấn C thuộc huyện B (cũ) vay với tổng số tiền là 440.000.000 đồng. Trong đó tổng số tiền gốc đã thu là 350.300.000 đồng, tổng số tiền gốc chưa thu là 89.700.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu 44.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 7.232.877 đồng, số tiền lãi bất chính là 36.767.123 đồng. Cụ thể như sau:

1. Từ ngày 30/7/2024 đến ngày 30/9/2024, bà Hồ Thị T15 vay của P1 03 lần, tổng số tiền vay là 60.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà T15 đã trả cho P1 là 53.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 986.301 đồng, số tiền lãi bất chính là 5.013.699 đồng.

2. Từ ngày 30/7/2024 đến ngày 30/9/2024, bà Mai Thị T16 vay của P1 03 lần, tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà T16 đã trả cho P1 là 26.900.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 493.151 đồng, số tiền lãi bất chính là 2.506.849 đồng.

3. Ngày 30/7/2024 và ngày 30/8/2024, bà Bùi Thị V3 vay của P1 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà V3 đã trả cho P1 là 11.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

4. Ngày 10/10/2024 và ngày 11/11/2024, bà Phạm Thị H9 vay của P1 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà H9 đã trả cho P1 là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

5. Ngày 02/9/2024 và ngày 02/10/2024, bà Lưu Thị T17 vay của P1 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà

T17 đã trả cho P1 là 11.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

6. Ngày 02/10/2024 và ngày 02/11/2024, bà Trần Thị H10 vay của P1 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà H10 đã trả cho P1 là 14.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

7. Ngày 05/8/2024, bà Trần Thị Mai T18 vay của P1 số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà T18 đã trả cho P1 là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 164.384 đồng, số tiền lãi bất chính là 835.616 đồng.

8. Từ ngày 05/8/2024 đến ngày 26/10/2024, bà Nguyễn Thị Phương T19 vay của P1 03 lần, tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà T19 đã trả cho P1 là 24.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 493.151 đồng, số tiền lãi bất chính là 2.506.849 đồng.

9. Ngày 10/10/2024 và ngày 11/11/2024, bà Nguyễn Thị Thu H11 vay của P1 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà H11 đã trả cho P1 là 16.900.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

10. Từ ngày 03/8/2024 đến ngày 03/12/2024, bà Ngô Thị Lan A1 vay của P1 06 lần, tổng số tiền vay là 60.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà A1 đã trả cho P1 là 52.700.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 986.301 đồng, số tiền lãi bất chính là 5.013.699 đồng.

11. Từ ngày 25/8/2024 đến ngày 25/10/2024, bà Hồ Thị Bích K1 vay của P1 03 lần, tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà K1 đã trả cho P1 là 26.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 493.151 đồng, số tiền lãi bất chính là 2.506.849 đồng.

12. Ngày 10/10/2024 và ngày 10/11/2024, bà Võ Thị Yến N3 vay của P1 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà N3 đã trả cho P1 là 13.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

13. Từ ngày 30/7/2024 đến ngày 30/9/2024, bà Đặng Thị Thu T20 vay của P1 03 lần, tổng số tiền vay là 60.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà T20 đã trả cho P1 là 41.200.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 986.301 đồng, số tiền lãi bất chính là 5.013.699 đồng.

14. Ngày 10/10/2024 và ngày 11/11/2024, bà Trần Thị N4 vay của P1 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà N4 đã trả cho P1 là 11.500.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

15. Ngày 10/10/2024 và ngày 11/11/2024, bà Trần Thị Kim C3 vay của P1 02 lần, tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc bà C3 đã trả cho P1 là 16.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 328.767 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.671.233 đồng.

** Đối với đối tượng Phạm Thị V4*

Phạm Thị 4i giúp Nguyễn Phi Đ3 cho 10 công dân tại các xã B, B, B, B (huyện B cũ), xã T (huyện S cũ), xã T (huyện T cũ) vay tổng số tiền 342.000.000 đồng. Trong đó tổng số tiền gốc đã thu là 316.290.000 đồng, số tiền gốc chưa thu 25.710.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu 34.200.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 5.621.918 đồng, số tiền lãi bất chính là 28.578.082 đồng.

1. Từ ngày 09/10/2024 đến ngày 24/12/2024, Hồ Thị Yến N5 vay của V4 03 lần, tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc N5 đã trả cho V4 là 30.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 493.151 đồng, số tiền lãi bất chính là 2.506.849 đồng.

2. Từ ngày 12/8/2024 đến ngày 17/11/2024, Hồ Thị Y vay của V4 08 lần, tổng số tiền vay là 75.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc Y đã trả cho V4 là 75.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 7.500.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 1.232.877 đồng, số tiền lãi bất chính là 6.267.123 đồng.

3. Từ ngày 13/9/2024 đến ngày 09/12/2024, Lê Thị Thu H12 vay của V4 04 lần, tổng số tiền vay là 27.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc H12 đã trả cho V4 là 27.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 2.700.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 443.836 đồng, số tiền lãi bất chính là 2.256.164 đồng.

4. Từ ngày 02/8/2024 đến ngày 14/10/2024, Nguyễn Thị Ngọc H13 vay của V4 04 lần, tổng số tiền vay là 39.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc H13 đã trả cho V4 là 39.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.900.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 641.096 đồng, số tiền lãi bất chính là 3.258.904 đồng.

5. Từ ngày 05/10/2024 đến ngày 21/11/2024, V Mỹ L vay của V4 03 lần, tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc L3 đã trả cho V4 là 30.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 493.151 đồng, số tiền lãi bất chính là 2.506.849 đồng.

6. Từ ngày 02/8/2024 đến ngày 27/10/2024, Lương Thị Thanh T21 vay của V4 05 lần, tổng số tiền vay là 56.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc T21 đã trả cho V4 là 56.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 5.600.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 920.548 đồng, số tiền lãi bất chính là 4.679.452 đồng.

7. Ngày 31/7/2024 và ngày 12/11/2024, Đinh Thị Thu T22 vay của V4 02 lần, tổng số tiền vay là 35.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc

T22 đã trả cho V4 là 35.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.500.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 575.342 đồng, số tiền lãi bất chính là 2.924.658 đồng.

8. Ngày 22/9/2024 đến ngày 11/10/2024, Nguyễn Tấn T23 vay của V4 03 lần, tổng số tiền vay là 15.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc T23 đã trả cho V4 là 15.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 1.500.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 246.575 đồng, số tiền lãi bất chính là 1.253.425 đồng.

9. Ngày 05/10/2024, T25 vay của V4 số tiền 5.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc B2 đã trả cho V4 là 5.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 500.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 82.192 đồng, số tiền lãi bất chính là 417.808 đồng.

10. Ngày 08/8/2024 đến ngày 21/11/2024, Đỗ Tiến M3 vay của V4 03 lần, tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng. Tổng số tiền gốc M3 đã trả cho V4 là 4.290.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã trả là 3.000.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp là 493.151 đồng, số tiền lãi bất chính là 2.506.849 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Phi Đ3, Tạ Đình Q, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Thị Bích T4, Hồ Thị Xuân P1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

*** Kết quả trưng cầu giám định**

Kết luận giám định số 462/KL-KTHS ngày 22/7/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh Q kết luận:

1. Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, số máy MQ9T3VN/A, số IMEI1: 355282431836599, số IMEI2: 355281431784302. Dữ liệu trích xuất theo yêu cầu giám định, xác định: Không trích xuất được dữ liệu theo yêu cầu giám định do ứng dụng V5 và ứng dụng Zalo bị đăng xuất.

2. Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xanh, số máy MQ9J3LL/A, số IMEI1: 351572593370128, số IMEI2: 331572593281556. Dữ liệu trích xuất theo yêu cầu giám định, xác định:

- Không tìm thấy dữ liệu trong nhóm "Công Nợ" theo yêu cầu giám định trong ứng dụng Viber.

- Không trích xuất được dữ liệu theo yêu cầu giám định do ứng dụng Zalo bị đăng xuất và ứng dụng Zalo bị đăng xuất.

3. Điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V25e, màu xanh nhạt, kiểu máy V2201, số IMEI1: 860672067966973, số IMEI2: 860672067966965, điện thoại bị bể mặt lưng. Dữ liệu trích xuất theo yêu cầu giám định, xác định: Không trích xuất được dữ liệu theo yêu cầu định do ứng dụng V5 và ứng dụng Z bị đăng xuất.

4. Điện thoại di động nhãn hiệu OPPP, số seri G6TYDHMLKPHC, màu xám, kiểu máy V2201, số IMEI1: 861042060780699, số IMEI2: 861042060780681. Dữ liệu trích xuất theo yêu cầu giám định, xác định:

- Không trích xuất được dữ liệu theo yêu cầu giám định do ứng dụng Zalo bị đăng xuất;

- Điện thoại không cài đặt ứng dụng Viber.

5. Điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY A04, số seri R92T90AP5CB, màu hồng, số IMEI1: 351890415781748, số IMEI2: 353869185781748, điện thoại không lên nguồn. Dữ liệu trích xuất theo yêu cầu giám định, xác định: Không trích xuất được dữ liệu theo yêu cầu giám định do điện thoại bị hỏng.

6. Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, số máy MT5K2LL/A R92T90AP5CB, số IMEI1: 353096101867563, số IMEI2: 353096101841022, điện thoại bị bể màn hình, bể mặt lưng. Dữ liệu trích xuất theo yêu cầu giám định, xác định:

- Không trích xuất được dữ liệu theo yêu cầu giám định do ứng dụng Zalo bị đăng xuất;

- Điện thoại không cài đặt ứng dụng Viber.

7. Máy tính có các thông số như sau: Processor: Intel®Core™i7-5600UCPU@2.60GHz; Instarlled memory (RAM): 8.00 GB; System type: 64-bit O, x64-based processor. Dữ liệu trích xuất theo yêu cầu giám định, xác định:

- Không tìm thấy dữ liệu trong ứng dụng "Onedrive" cài đặt trong máy;

- Không tìm thấy dữ liệu trong ổ cứng gắn bên trong máy tính.

Tại Bản cáo trạng số 87/CT-VKSQN-P1, ngày 05/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố các bị cáo Nguyễn Phi Đ3, Tạ Đình Q về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Thị Bích T4, Hồ Thị Xuân P1 về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 201, các điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Phi Đ3 từ 12 tháng đến 18 tháng tù giam.

- Xử phạt bị cáo: Tạ Đình Q từ 09 tháng đến 12 tháng tù giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn Đ từ 50.000.000đồng đến 55.000.000đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Huỳnh Thị Bích T4 từ 55.000.000đồng đến 60.000.000đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 35 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hồ Thị Xuân P1 từ 65.000.000đồng đến 75.000.000đồng. Áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" tại Bản án số 72/2024/HS-PT ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

* Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra thu giữ các đồ vật, tài liệu:

+ 01 (một) xe ô tô, nhãn hiệu FORD RANGER, BKS: 76C - 170.92, loại xe: Ô tô tải, số khung: RL2AMFE60PYR52871, số máy: YN2SRPY52871. Qua điều tra xác định, xe ô tô này là của bà Nguyễn Thị O1 (là người yêu Nguyễn Phi Đ3). Bà O1 đưa xe ô tô này để Đ3 sử dụng làm phương tiện đi lại, vận chuyển quần áo đi bán, O1 không biết Đ3 thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và sử dụng ô tô trên để thu tiền góp. Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô nêu trên cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị O1.

+ 01 (một) xe ô tô, nhãn hiệu KIA SELOS, BKS: 76A -200.11, số khung: RNYEJ52C0RC333187, số máy: G4FLRV744706. Qua điều tra xác định, xe ô tô này là của bà Nguyễn Thị T1. Bà T1 có đưa xe ô tô này để Q làm phương tiện đi lại và làm công trình xây dựng. T1 không biết Q thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và sử dụng ô tô trên để thu tiền góp. Cơ quan điều tra đã trả lại xe ô tô nêu trên cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị T1.

* *Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:*

- 01 bì mã số PS3 24273534 bên trong chứa 01 (một) điện thoại di động Iphone 14 Pro Max có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh, có chữ ký của Nguyễn Phương Đ4.

- 01 bì mã số PS3 24273535 bên trong chứa 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Pro Max có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh, có chữ ký của Nguyễn Phương Đ4.

- 01 bì mã số PS3 24273536 bên trong chứa 01 (một) điện thoại di động Vivo V25e có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh, có chữ ký của Nguyễn Phương Đ4.

- 01 bì mã số PS3 24273537 bên trong chứa 01 (một) điện thoại di động OPPO có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh, có chữ ký của Nguyễn Phương Đ4.

- 01 bì mã số PS3 24273538 bên trong chứa 01 (một) điện thoại di động Galaxy A04 có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh, có chữ ký của Nguyễn Phương Đ4.

- 01 bì mã số PS3 24273539 bên trong chứa 01 (một) điện thoại di động Iphone Xs max có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh, có chữ ký của Nguyễn Phương Đ4.

- 01 bì màu trắng bên trong chứa 01 (một) máy tính xách tay hiệu DELL. Có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh, có chữ ký của Nguyễn Phương Đ4.

* Biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Số tiền 1.996.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Phi Đ3 sử dụng cho vay lãi nặng là phương tiện phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể: tịch thu tại bị cáo Nguyễn Phi Đ3 số tiền 1.654.140.000 đồng; tịch thu của những người vay trả lại số tiền gốc chưa trả cho Đ3 số tiền 341.860.000 đồng, cụ thể: bị cáo Hồ Thị Xuân P1 5.000.000đồng, bà Nguyễn Thị Ánh T7 14.600.000đồng, bà Trần Thị Thu H4 6.000.000đồng, Lê Thị Hồng C 7.000.000đồng, bà Nguyễn Thị L1 8.000.000đồng, bà Phạm Thị V 4.900.000đồng, bà Nguyễn Thị M2 4.300.000đồng, bà Lê Thị Mỹ L2 7.000.000đồng, bà Nguyễn Thị K 6.700.000đồng, bà Lê Thị L3 4.000.000đồng, bà Huỳnh Thị V1 6.700.000đồng, bà Phạm Thị T9 7.000.000đồng, bà Bạch Thị N 7.900.000đồng, bà Võ Thị Ú 1.700.000đồng, bà Nguyễn Thị V2 4.600.000đồng, bà Hồ Thị N2 3.950.000đồng, bà Lê Thị T10 8.500.000đồng, bà Lê Thị Thu H3 6.400.000đồng, bà Cao Thị Thanh T8 7.900.000đồng, bà Bùi Thị L 5.500.000đồng, bà Phạm Thị M1 3.200.000đồng, bà Phạm Thị T11 13.100.000đồng, bà Phạm Thị Hồng L4 6.500.000đồng, bà Nguyễn Thị C2 14.300.000đồng, bà Trần Thị T12 17.500.0000đồng, bà Tô Thị T13 4.800.000đồng, bà Lê Thị Đ2 1.600.000đồng, bà Trương Thị Mỹ T14 6.400.000đồng, bà Nguyễn Thị X 4.000.000đồng, bà Nguyễn Thị Thu H6 8.400.000đồng, bà Tiêu Thị H7 2.200.000đồng, bà Lê Thị Bích H8 16.800.000đồng, bà Hồ Thị T15 6.200.000đồng, bà Mai Thị T16 3.100.000đồng, bà Bùi Thị V3 8.500.000đồng, bà Lưu Thị T17 8.500.000đồng, bà Trần Thị H10 5.500.000đồng, bà Nguyễn Thị Phương T19 5.200.000đồng, bà Nguyễn Thị Thu H11 3.100.000đồng, bà Nguyễn Thị Thu H11, bà Ngô Thị Lan A1 7.300.000đồng, bà Hồ Thị Bích K1 4.000.000đồng, bà Võ Thị Yến N3 7.000.000đồng, bà Đặng Thị Thu T20 18.800.000đồng, bà Trần Thị N4 8.500.000đồng, bà Trần Thị Kim C3 4.000.000đồng và ông Đỗ Tiến M3 25.710.000đồng.

- Đối với khoản tiền lãi các bị cáo đã thu trong phạm vi pháp luật cho phép (20%/năm) là 32.810.961 đồng, là khoản tiền phát sinh từ phạm tội mà có nên buộc các bị cáo và bà Phạm Thị V4 phải nộp lại để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: bị cáo Nguyễn Phi Đ3 19.752.330đồng, bị cáo Tạ Đình Q 5.527.399đồng, bị cáo Nguyễn Văn Đ 1.146.575đồng, bị cáo Huỳnh Thị Bích T4 2.689.315đồng, bị cáo Hồ Thị Xuân P1 1.446.575đồng và bà Phạm Thị V4 2.248.767đồng.

- Đối với khoản tiền lãi vượt quá phạm vi pháp luật cho phép (trên 20%/năm) là 166.789.039 đồng, đây là khoản tiền thu lợi bất chính nên cần buộc

các bị cáo và bà Phạm Thị V4 nộp lại để trả lại cho những người vay, cụ thể: bị cáo Nguyễn Phi Đ3 100.407.670đồng (lấy tròn số), bị cáo Tạ Đình Q 28.097.602đồng, bị cáo Nguyễn Văn Đ 5.828.425đồng(lấy tròn số), bị cáo Huỳnh Thị Bích T4 13.670.685đồng(lấy tròn số), bị cáo Hồ Thị Xuân P1 7.353.425đồng (lấy tròn số) và bà Phạm Thị V4 11.431.232đồng.

Trả lại cho bà Phạm Thị V4 835.616đồng, bị cáo Hồ Thị Xuân P1 4.178.082đồng, bà Lê Thị Thu H3 3.342.466đồng, bà Nguyễn Thị Ánh T7 6.684.932đồng, bà Trần Thị Thu H4 3.342.466đồng, bà Trần Thị Thu Á 1.671.233đồng, bà Lê Thị Hồng C 1.671.233đồng, bà Nguyễn Thị C1 835.616đồng, bà Đỗ Thị D1 1.671.233đồng, bà Nguyễn Thị L1 2.506.849đồng, bà Phạm Thị V 1.671.233đồng, bà Nguyễn Thị M2 3.342.466đồng, bà Lê Thị Mỹ L2 1.671.233đồng, bà Nguyễn Thị K 1.671.233đồng, bà Lê Thị L3 1.671.233đồng, bà Huỳnh Thị V1 2.506.849đồng, bà Phạm Thị T9 1.671.233đồng, bà Bạch Thị N 1.671.233đồng, bà Võ Thị Ú 835.616đồng, bà Nguyễn Thị V2 1.671.233đồng, bà Đỗ Thị N1 417.808đồng, bà Hồ Thị N2 835.616đồng, bà Đinh Thị Đ1 1.671.233đồng, bà Lê Thị T10 2.506.849đồng, bà Cao Thị Thanh T8 4.178.082đồng, bà Bùi Thị L 3.342.466đồng, bà Phạm Thị M1 9.191.781đồng, bà Phạm Thị T11 5.013.699đồng, bà Phạm Thị Hồng L4 2.506.849đồng, bà Nguyễn Thị C2 5.097.260đồng, bà Nguyễn Thị B 1.253.425đồng, bà Trần Thị T12 3.342.466đồng, bà Tô Thị T13 1.671.767đồng, bà Lê Thị Đ2 1.002.740đồng, bà Trương Thị Mỹ T14 2.506.849đồng, bà Lê Thị H5 1.671.233đồng, bà Nguyễn Thị X 1.671.233đồng, bà Võ Thị B1 1.253.425đồng, bà Nguyễn Thị Thu H6 2.005.479đồng, bà Nguyễn Thị L5 835.616đồng, bà Tiêu Thị H7 1.002.740đồng, bà Lê Thị Bích H8 3.342.466đồng, bà Hồ Thị T15 5.013.699đồng, bà Mai Thị T16 2.506.849đồng, bà Bùi Thị V3 1.671.233đồng, bà Phạm Thị H9 1.671.233đồng, bà Lưu Thị T17 1.671.233đồng, bà Trần Thị H10 1.671.233đồng, bà Trần Thị Mai P3 835.616đồng, bà Nguyễn Thị Phương T19 2.506.849đồng, bà Nguyễn Thị Thu H11 1.671.233đồng, bà Ngô Thị Lan A1 5.013.699đồng, bà Hồ Thị Bích K1 2.506.849đồng, bà Võ Thị Yến N3 1.671.233đồng, bà Đặng Thị Thu T20 5.013.699đồng, bà Trần Thị N4 1.671.233đồng, bà Trần Thị Kim C3 1.671.233đồng, bà Hồ Thị Yến N5 2.506.849đồng, bà Hồ Thị Y 6.267.123đồng, bà Lê Thị Thu H12 2.256.164đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc H13 3.258.904đồng, bà V6 Nhì Mỹ Liên 2.506.849đồng, bà Lương Thị Thanh T21 4.679.452đồng, bà Đinh Thị Thu T22 2.924.658đồng, ông Nguyễn Tấn T23 1.253.425đồng, ông Tu Thanh B2 417.808đồng và ông Đỗ Tiến M3 2.506.849đồng.

Ý kiến tranh luận của các bị cáo Nguyễn Phi Đ3, Tạ Đình Q, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Thị Bích T4, Hồ Thị Xuân P1*:*

Bị cáo Nguyễn Phi Đ3 và Tạ Đình Q đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân cũng phạm tội lần đầu xử cho các bị cáo được ở ngoài để lo làm ăn nuôi con và nộp lại số tiền vi phạm pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn Đ và Huỳnh Thị Bích T4 thống nhất, không tranh luận gì.

Bị cáo Hồ Thị Xuân P1 xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Lời nói sau cùng của bị các bị cáo Nguyễn Phi Đ3, Tạ Đình Q, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Thị Bích T4, Hồ Thị Xuân P1: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình điều tra những người nêu trên đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của những người nêu trên không ảnh hưởng và không gây trở ngại đến quá trình xét xử hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Phi Đ3, Tạ Đình Q, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Thị Bích T4, Hồ Thị Xuân P1 đều khai nhận hành vi phạm tội của mình, đối chiếu với lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ thu thập có tại hồ sơ đủ cơ sở kết luận: Vì muốn thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay, các bị cáo Nguyễn Phi Đ3, Tạ Đình Q, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Thị Bích T4, Hồ Thị Xuân P1 và đối tượng Phạm Thị V4 đã thực hiện hoạt động cho 67 khách hàng trên địa bàn các xã thuộc thành phố Q, huyện B, huyện T, huyện S, huyện T (cũ) vay với tổng số tiền là 1.996.000.000 đồng, với mức lãi suất 10%/tháng, (tương ứng với lãi suất 121,67%/năm). Trong đó tổng số tiền gốc đã thu là 1.654.140.000 đồng, số tiền gốc chưa thu là 341.860.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu 199.600.000 đồng với số tiền lãi hợp pháp là 32.810.961 đồng và số tiền lãi bất chính là 166.789.039 đồng. Trong đó bị cáo Tạ Đình Q giúp bị cáo Nguyễn Phi Đ3 cho vay và thu lợi tổng số tiền lãi bất chính là 103.198.629đồng, bị cáo Nguyễn Văn Đ giúp bị cáo Nguyễn Phi Đ3 cho vay và thu số tiền lãi bất chính là 38.856.164đồng, bị cáo Huỳnh Thị Bích T4 giúp bị cáo Nguyễn Phi Đ3 cho vay

và thu số tiền lãi bất chính là 34.176.712 đồng, bị cáo Hồ Thị Xuân P1 giúp bị cáo Nguyễn Phi Đ3 cho vay và thu số tiền lãi bất chính là 36.767.123đồng, đối tượng Phạm Thị V4 giúp Nguyễn Phi Đ3 cho vay và thu tiền lãi bất chính là 28.578.082đồng.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Phi Đ3, Tạ Đình Q có đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Thị Bích T4, Hồ Thị Xuân P1 có đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Các bị cáo Nguyễn Phi Đ3, Tạ Đình Q, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Thị Bích T4, Hồ Thị Xuân P1 là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tổ chức cho vay nặng lãi là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, nên các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đã được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự địa phương, là khách thể được quy định trong Bộ luật Hình sự, nên cần phải áp dụng hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật và phòng ngừa chung tội phạm.

[5] Xét vị trí, vai trò của từng bị cáo:

Đây là vụ án có đồng phạm, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành; trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; trong đó, vai trò của các bị cáo được thể hiện như sau:

- Nguyễn Phi Đ3 là người khởi xướng, chuẩn bị nguồn tiền cho vay, rủ rê Tạ Đình Q, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Thị Bích T4, Phạm Thị V4 thực hiện hành vi phạm tội.

- Tạ Đình Q là người thực hành, rủ rê Hồ Thị Xuân P1 thực hiện hành vi phạm tội.

- Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Thị Bích T4, Hồ Thị Xuân P1 đều là người thực hành.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần phải đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tiền án, tiền sự, nhân thân của các bị cáo.

[6.1] Nhân thân: bị cáo Hồ Thị Xuân P1 có nhân thân xấu.

[6.2] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 10/7/2024, bị cáo Hồ Thị Xuân P1 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo Bản án số 72/2024/HS-PT, bị cáo chưa chấp hành xong hình phạt đến

ngày 30/7/2024 tiếp tục phạm tội mới nên lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6.3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Phi Đ3 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện nộp khắc phục số tiền 40.000.000đồng; có cha ruột là ông Nguyễn Minh L7 người có công với cách mạng; bị cáo đang nuôi 03 con nhỏ, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Tạ Đình Q thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có ông N6 là liệt sĩ; đã tự nguyện nộp khắc phục số tiền 20.000.000đồng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Bị cáo Nguyễn Văn Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; được Nhà nước tặng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Ba, tham gia nghĩa vụ quân sự (từ tháng 02/2021 đến 01/2013), nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Huỳnh Thị Bích T4 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện nộp khắc phục số tiền 10.000.000đồng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Bị cáo Hồ Thị Xuân P1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đang nuôi 03 con, có hoàn cảnh khó khăn, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngày 10/7/2024, bị cáo Hồ Thị Xuân P1 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo Bản án số 72/2024/HS-PT, trong thời gian thử thách án treo bị cáo tiếp tục phạm tội mới. Do đó, áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Hồ Thị Xuân P1 phải chấp hành 01 năm 06 tháng tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo Bản án số 72/2024/HS-PT ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

[7] Về giới hạn việc xét xử: Tại các bút lục 367, 639, 689, 748, 842, 956-957 của hồ sơ vụ án, các bị cáo khai: Nguyễn Khắc H2 là người tạo lập nhóm V5 " Công nợ" gồm Đ, H2, Đ3 và Q để H2 gửi bảng tính các khoản vay. Đầu ngày H2 gửi tin nhắn vào V "Công nợ" và số lượng khách trong ngày tới và Q phải thu cũng như số tiền gốc tương ứng phải thu; H2 giúp Đ3 tạo 82 mã vay; H2 theo dõi việc trả tiền góp hàng ngày của khách. Cần điều tra làm rõ Nguyễn Khắc H2 có biết các bị can Đ, Đ3 và Q cho vay lãi nặng không, có tiếp thu ý chí không? Chưa làm rõ H2 có đồng phạm với vai trò giúp sức cho Nguyễn Phi Đ3 về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự không? Do đó, đối tượng Nguyễn Khắc H2

có dấu hiệu đồng phạm với các bị cáo nêu trên về tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và các vấn đề khác. Tòa án đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để điều tra làm rõ. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có Công văn số 17/VKS-HS ngày 29/9/2025 vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Căn cứ giới hạn của việc xét xử quy định tại Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chỉ xét xử những các bị cáo theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử. Nhưng kiến nghị cấp phúc thẩm xem xét đối với hành vi của Nguyễn Khắc H2.

[8] Biện pháp tư pháp:

- Số tiền 1.996.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Phi Đ3 sử dụng cho vay lãi nặng là phương tiện phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, cụ thể: tịch thu tại bị cáo Nguyễn Phi Đ3 số tiền 1.654.140.000 đồng; tịch thu của những người vay trả lại số tiền gốc chưa trả đủ cho Đ3 số tiền 341.860.000 đồng, cụ thể: bị cáo Hồ Thị Xuân P1 phải nộp lại số tiền 5.000.000đồng, bà Nguyễn Thị Ánh T7 phải nộp lại số tiền 14.600.000đồng, bà Trần Thị Thu H4 phải nộp lại số tiền 6.000.000đồng, Lê Thị Hồng C phải nộp lại số tiền 7.000.000đồng, bà Nguyễn Thị L1 phải nộp lại số tiền 8.000.000đồng, bà Phạm Thị V phải nộp lại số tiền 4.900.000đồng, bà Nguyễn Thị M2 phải nộp lại số tiền 4.300.000đồng, bà Lê Thị Mỹ L2 phải nộp lại số tiền 7.000.000đồng, bà Nguyễn Thị K phải nộp lại số tiền 6.700.000đồng, bà Lê Thị L3 phải nộp lại số tiền 4.000.000đồng, bà Huỳnh Thị V1 phải nộp lại số tiền 6.700.000đồng, bà Phạm Thị T9 phải nộp lại số tiền 7.000.000đồng, bà Bạch Thị N phải nộp lại số tiền 7.900.000đồng, bà Võ Thị Ú phải nộp lại số tiền 1.700.000đồng, bà Nguyễn Thị V2 phải nộp lại số tiền 4.600.000đồng, bà Hồ Thị N2 phải nộp lại số tiền 3.950.000đồng, bà Lê Thị T10 phải nộp lại số tiền 8.500.000đồng, bà Lê Thị Thu H3 phải nộp lại số tiền 6.400.000đồng, bà Cao Thị Thanh T8 phải nộp lại số tiền 7.900.000đồng, bà Bùi Thị L phải nộp lại số tiền 5.500.000đồng, bà Phạm Thị M1 phải nộp lại số tiền 3.200.000đồng, bà Phạm Thị T11 phải nộp lại số tiền 13.100.000đồng, bà Phạm Thị Hồng L4 phải nộp lại số tiền 6.500.000đồng, bà Nguyễn Thị C2 phải nộp lại số tiền 14.300.000đồng, bà Trần Thị T12 phải nộp lại số tiền 17.500.0000đồng, bà Tô Thị T13 phải nộp lại số tiền 4.800.000đồng, bà Lê Thị Đ2 phải nộp lại số tiền 1.600.000đồng, bà Trương Thị Mỹ T14 phải nộp lại số tiền 6.400.000đồng, bà Nguyễn Thị X phải nộp lại số tiền 4.000.000đồng, bà Nguyễn Thị Thu H6 phải nộp lại số tiền 8.400.000đồng, bà Tiêu Thị H7 phải nộp lại số tiền 2.200.000đồng, bà Lê Thị Bích H8 phải nộp lại số tiền 16.800.000đồng, bà Hồ Thị T15 phải nộp lại số tiền 6.200.000đồng, bà Mai Thị T16 phải nộp lại số tiền 3.100.000đồng, bà Bùi Thị V3 phải nộp lại số tiền 8.500.000đồng, bà Lưu Thị T17 phải nộp lại số tiền 8.500.000đồng, bà Trần Thị H10 phải nộp lại số tiền 5.500.000đồng, bà Nguyễn Thị Phương T19 phải nộp lại số tiền 5.200.000đồng, bà Nguyễn Thị Thu H11 phải nộp lại số tiền 3.100.000đồng, bà Ngô Thị Lan A1 phải nộp lại số tiền 7.300.000đồng, bà Hồ Thị Bích K1 phải nộp lại số tiền 4.000.000đồng, bà Võ Thị

Yến N3 phải nộp lại số tiền 7.000.000đồng, bà Đặng Thị Thu T20 phải nộp lại số tiền 18.800.000đồng, bà Trần Thị N4 phải nộp lại số tiền 8.500.000đồng, bà Trần Thị Kim C3 phải nộp lại số tiền 4.000.000đồng và ông Đỗ Tiến M3 phải nộp lại số tiền 25.710.000đồng.

- Đối với khoản tiền lãi các bị cáo đã thu trong phạm vi pháp luật cho phép (20%/năm) là 32.810.961đồng, là khoản tiền phát sinh từ phạm tội mà có nên buộc các bị cáo và bà Phạm Thị V4 phải nộp lại để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: bị cáo Nguyễn Phi Đ3 phải nộp lại số tiền 19.752.330đồng, bị cáo Tạ Đình Q phải nộp lại số tiền 5.527.399đồng, bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp lại số tiền 1.146.575đồng, bị cáo Huỳnh Thị Bích T4 phải nộp lại số tiền 2.689.315đồng, bị cáo Hồ Thị Xuân P1 phải nộp lại số tiền 1.446.575đồng và bà Phạm Thị V4 phải nộp lại số tiền 2.248.767đồng.

- Đối với khoản tiền lãi vượt quá phạm vi pháp luật cho phép (trên 20%/năm) là 166.789.039 đồng, đây là khoản tiền thu lợi bất chính nên cần buộc các bị cáo và bà Phạm Thị V4 nộp lại để trả lại cho những người vay, cụ thể: bị cáo Nguyễn Phi Đ3 100.407.670đồng (lấy tròn số), bị cáo Tạ Đình Q 28.097.602đồng, bị cáo Nguyễn Văn Đ 5.828.425đồng(lấy tròn số), bị cáo Huỳnh Thị Bích T4 13.670.685đồng(lấy tròn số), bị cáo Hồ Thị Xuân P1 7.353425đồng (lấy tròn số) và bà Phạm Thị V4 11.431.232đồng.

Trả lại cho bà Phạm Thị V4 835.616đồng, trả lại cho bị cáo Hồ Thị Xuân P1 4.178.082đồng, trả lại cho bà Lê Thị Thu H3 3.342.466đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị Ánh T7 6.684.932đồng, trả lại cho bà Trần Thị Thu H4 3.342.466đồng, trả lại cho bà Trần Thị Thu Á 1.671.233đồng, trả lại cho bà Lê Thị Hồng C 1.671.233đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị C1 835.616đồng, trả lại cho bà Đỗ Thị D1 1.671.233đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị L1 2.506.849đồng, trả lại cho bà Phạm Thị V 1.671.233đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị M2 3.342.466đồng, trả lại cho bà Lê Thị Mỹ L2 1.671.233đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị K 1.671.233đồng, trả lại cho bà Lê Thị L3 1.671.233đồng, trả lại cho bà Huỳnh Thị V1 2.506.849đồng, trả lại cho bà Phạm Thị T9 1.671.233đồng, trả lại cho bà Bạch Thị N 1.671.233đồng, trả lại cho bà Võ Thị Ú 835.616đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị V2 1.671.233đồng, trả lại cho bà Đỗ Thị N1 417.808đồng, trả lại cho bà Hồ Thị N2 835.616đồng, trả lại cho bà Đinh Thị Đ1 1.671.233đồng, trả lại cho bà Lê Thị T10 2.506.849đồng, trả lại cho bà Cao Thị Thanh T8 4.178.082đồng, trả lại cho bà Bùi Thị L 3.342.466đồng, trả lại cho bà Phạm Thị M1 9.191.781đồng, trả lại cho bà Phạm Thị T11 5.013.699đồng, trả lại cho bà Phạm Thị Hồng L4 2.506.849đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị C2 5.097.260đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị B 1.253.425đồng, trả lại cho bà Trần Thị T12 3.342.466đồng, trả lại cho bà Tô Thị T13 1.671.767đồng, trả lại cho bà Lê Thị Đ2 1.002.740đồng, trả lại cho bà Trương Thị Mỹ T14 2.506.849đồng, trả lại cho bà Lê Thị H5 1.671.233đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị X 1.671.233đồng, trả lại cho bà Võ Thị B1 1.253.425đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H6

2.005.479đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị L5 835.616đồng, trả lại cho bà Tiêu Thị H7 1.002.740đồng, trả lại cho bà Lê Thị Bích H8 3.342.466đồng, trả lại cho bà Hồ Thị T15 5.013.699đồng, trả lại cho bà Mai Thị T16 2.506.849đồng, trả lại cho bà Bùi Thị V3 1.671.233đồng, trả lại cho bà Phạm Thị H9 1.671.233đồng, trả lại cho bà Lưu Thị T17 1.671.233đồng, trả lại cho bà Trần Thị H10 1.671.233đồng, trả lại cho bà Trần Thị Mai P3 835.616đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị Phương T19 2.506.849đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H11 1.671.233đồng, trả lại cho bà Ngô Thị Lan A1 5.013.699đồng, trả lại cho bà Hồ Thị Bích K1 2.506.849đồng, trả lại cho bà Võ Thị Yến N3 1.671.233đồng, trả lại cho bà Đặng Thị Thu T20 5.013.699đồng, trả lại cho bà Trần Thị N4 1.671.233đồng, trả lại cho bà Trần Thị Kim C3 1.671.233đồng, trả lại cho bà Hồ Thị Yến N5 2.506.849đồng, trả lại cho bà Hồ Thị Y 6.267.123đồng, trả lại cho bà Lê Thị Thu H12 2.256.164đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc H13 3.258.904đồng, trả lại cho bà V6 Nhì Mỹ Liên 2.506.849đồng, trả lại cho bà Lương Thị Thanh T21 4.679.452đồng, trả lại cho bà Đinh Thị Thu T22 2.924.658đồng, trả lại cho ông Nguyễn Tấn T23 1.253.425đồng, trả lại cho ông Tu Thanh B2 417.808đồng và trả lại cho ông Đỗ Tiến M3 2.506.849đồng.

[9] Về xử lý vật chứng vụ án: Đối với 01 bì mã số PS3 24273534 bên trong chứa 01 (một) điện thoại di động Iphone 14 Pro Max có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh, có chữ ký của Nguyễn Phương Đ4; 01 bì mã số PS3 24273535 bên trong chứa 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Pro Max có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh, có chữ ký của Nguyễn Phương Đ4; 01 bì mã số PS3 24273536 bên trong chứa 01 (một) điện thoại di động Vivo V25e có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh, có chữ ký của Nguyễn Phương Đ4; 01 bì mã số PS3 24273537 bên trong chứa 01 (một) điện thoại di động OPPO có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh, có chữ ký của Nguyễn Phương Đ4; 01 bì mã số PS3 24273538 bên trong chứa 01 (một) điện thoại di động Galaxy A04 có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh, có chữ ký của Nguyễn Phương Đ4; 01 bì mã số PS3 24273539 bên trong chứa 01 (một) điện thoại di động Iphone Xs max có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh, có chữ ký của Nguyễn Phương Đ4; 01 bì màu trắng bên trong chứa 01 (một) máy tính xách tay hiệu DELL, có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh, có chữ ký của Nguyễn Phương Đ4. Xét đây là phương tiện các bị cáo và Phạm Thị V4, Nguyễn Khắc H2 sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[10] Đối với số tiền 70.000.000đồng; trong đó: bị cáo Nguyễn Phi Đ3 tự nguyện giao nộp 40.000.000đồng để khắc phục; bị cáo Tạ Đình Q tự nguyện giao nộp 20.000.000đồng để khắc phục; bị cáo Huỳnh Thị Bích T4 tự nguyện giao nộp 10.000.000 để khắc phục nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[11] Về các vấn đề khác:

- Đối với đối tượng Phạm Thị V4: V4 giúp Nguyễn Phi Đ3 cho 10 công dân vay tiền, thu tiền lãi bất chính số tiền 28.578.082 đồng. Hành vi của Phạm

Thị V4 chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự, do đó, không có căn cứ xử lý đối với V4.

- Đối với đối tượng Nguyễn Khắc H2: Quá trình hoạt động cho vay lãi nặng, bị cáo Nguyễn Phi Đ3 đã nhờ H2 lập các bảng tính trên phần mềm Excel để theo dõi các khoản vay cũng như việc thu tiền gốc hàng ngày. H2 không biết các khoản vay có lãi suất 10%/tháng, dữ liệu điện tử cập nhật trong các bảng tính Excel không thể hiện lãi suất các khoản vay 10%. Đồng thời, quá trình thực hiện hoạt động cho vay, các bị cáo và đối tượng Phạm Thị V4 đều theo dõi và ghi chú việc thu tiền tiền gốc của khách hàng vào sổ riêng của mình, không phụ thuộc vào bảng tính của H2. Mặt khác, H2 không hưởng lợi gì từ hoạt động cho vay của các bị cáo. Do đó, không có căn cứ xác định hành vi của Nguyễn Khắc H2 có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo Nguyễn Phi Đ3 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

[12] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chỉ chấp nhận một phần.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Phi Đ3, Tạ Đình Q, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Thị Bích T4, Hồ Thị Xuân P1 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

1.1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phi Đ3 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng.

1.2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Tạ Đình Q 220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu) đồng

1.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 55.000.000 (Năm mươi lăm triệu) đồng.

1.4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị Bích T4 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng

1.5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hồ Thị Xuân P1 65.000.000 (Sáu mươi lăm triệu) đồng

Áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Hồ Thị Xuân P1 phải chấp hành 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" tại Bản án số 72/2024/HS-PT ngày 10/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, thời hạn chấp hành án tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự và Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tuyên:

- Buộc bị cáo Nguyễn Phi Đ3 phải nộp lại số tiền gốc đã thu từ người vay là 1.654.140.000đồng để sung ngân sách Nhà nước để sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc các bị cáo và bà Phạm Thị V4 phải nộp lại số tiền lãi đã thu đúng quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 32.810.961đồng để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: bị cáo Nguyễn Phi Đ3 phải nộp lại số tiền 19.752.330đồng, bị cáo Tạ Đình Q phải nộp lại số tiền 5.527.399đồng, bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp lại số tiền 1.146.575đồng, bị cáo Huỳnh Thị Bích T4 phải nộp lại số tiền 2.689.315đồng, bị cáo Hồ Thị Xuân P1 phải nộp lại số tiền 1.446.575đồng và bà Phạm Thị V4 phải nộp lại số tiền 2.248.767đồng.

- Buộc những người vay phải nộp lại số tiền gốc mà người vay chưa trả đủ cho bị cáo Nguyễn Phi Đ3 để sung ngân sách Nhà nước tổng số tiền là 341.860.000 đồng, cụ thể: bị cáo Hồ Thị Xuân P1 phải nộp lại số tiền 5.000.000đồng, bà Nguyễn Thị Ánh T7 phải nộp lại số tiền 14.600.000đồng, bà Trần Thị Thu H4 phải nộp lại số tiền 6.000.000đồng, Lê Thị Hồng C phải nộp lại số tiền 7.000.000đồng, bà Nguyễn Thị L1 phải nộp lại số tiền 8.000.000đồng, bà Phạm Thị V phải nộp lại số tiền 4.900.000đồng, bà Nguyễn Thị M2 phải nộp lại số tiền 4.300.000đồng, bà Lê Thị Mỹ L2 phải nộp lại số tiền 7.000.000đồng, bà Nguyễn Thị K phải nộp lại số tiền 6.700.000đồng, bà Lê Thị L3 phải nộp lại số tiền 4.000.000đồng, bà Huỳnh Thị V1 phải nộp lại số tiền 6.700.000đồng, bà Phạm Thị T9 phải nộp lại số tiền 7.000.000đồng, bà Bạch Thị N phải nộp lại số tiền 7.900.000đồng, bà Võ Thị Ú phải nộp lại số tiền 1.700.000đồng, bà Nguyễn Thị V2 phải nộp lại số tiền 4.600.000đồng, bà Hồ Thị N2 phải nộp lại số tiền 3.950.000đồng, bà Lê Thị T10 phải nộp lại số tiền 8.500.000đồng, bà Lê Thị Thu H3 phải nộp lại số tiền 6.400.000đồng, bà Cao Thị Thanh T8 phải nộp lại số tiền 7.900.000đồng, bà Bùi Thị L phải nộp lại số tiền 5.500.000đồng, bà Phạm Thị M1 phải nộp lại số tiền 3.200.000đồng, bà Phạm Thị T11 phải nộp lại số tiền 13.100.000đồng, bà Phạm Thị Hồng L4 phải nộp lại số tiền 6.500.000đồng, bà Nguyễn Thị C2 phải nộp lại số tiền 14.300.000đồng, bà Trần Thị T12 phải nộp lại số tiền 17.500.0000đồng, bà Tô Thị T13 phải nộp lại số tiền 4.800.000đồng, bà Lê Thị Đ2 phải nộp lại số tiền 1.600.000đồng, bà Trương Thị Mỹ T14 phải nộp lại số tiền 6.400.000đồng, bà Nguyễn Thị X phải nộp lại số tiền 4.000.000đồng, bà Nguyễn Thị Thu H6 phải nộp lại số tiền 8.400.000đồng, bà Tiêu Thị H7 phải nộp lại số tiền 2.200.000đồng, bà Lê Thị Bích H8 phải nộp lại

số tiền 16.800.000đồng, bà Hồ Thị T15 phải nộp lại số tiền 6.200.000đồng, bà Mai Thị T16 phải nộp lại số tiền 3.100.000đồng, bà Bùi Thị V3 phải nộp lại số tiền 8.500.000đồng, bà Lưu Thị T17 phải nộp lại số tiền 8.500.000đồng, bà Trần Thị H10 phải nộp lại số tiền 5.500.000đồng, bà Nguyễn Thị Phương T19 phải nộp lại số tiền 5.200.000đồng, bà Nguyễn Thị Thu H11 phải nộp lại số tiền 3.100.000đồng, bà Ngô Thị Lan A1 phải nộp lại số tiền 7.300.000đồng, bà Hồ Thị Bích K1 phải nộp lại số tiền 4.000.000đồng, bà Võ Thị Yến N3 phải nộp lại số tiền 7.000.000đồng, bà Đặng Thị Thu T20 phải nộp lại số tiền 18.800.000đồng, bà Trần Thị N4 phải nộp lại số tiền 8.500.000đồng, bà Trần Thị Kim C3 phải nộp lại số tiền 4.000.000đồng và ông Đỗ Tiến M3 phải nộp lại số tiền 25.710.000đồng.

- Buộc các bị cáo và bà Phạm Thị V4 phải trả lại số tiền thu lợi bất chính (khoản tiền lãi vượt quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự) cho những người vay tổng số tiền 166.789.039đồng, cụ thể: bị cáo Nguyễn Phi Đ3 phải nộp lại số tiền 100.407.670đồng, bị cáo Tạ Đình Q phải nộp lại số tiền 28.097.602đồng, bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp lại số tiền 5.828.425đồng, bị cáo Huỳnh Thị Bích T4 phải nộp lại số tiền 13.670.685đồng, bị cáo Hồ Thị Xuân P1 phải nộp lại số tiền 7.353.425đồng và bà Phạm Thị V4 phải nộp lại số tiền 11.431.232đồng.

Trả lại cho bà Phạm Thị V4 số tiền 835.616đồng, trả lại cho bị cáo Hồ Thị Xuân P1 số tiền 4.178.082đồng, trả lại cho bà Lê Thị Thu H3 số tiền 3.342.466đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị Ánh T7 số tiền 6.684.932đồng, trả lại cho bà Trần Thị Thu H4 số tiền 3.342.466đồng, trả lại cho bà Trần Thị Thu Á số tiền 1.671.233đồng, trả lại cho bà Lê Thị Hồng C số tiền 1.671.233đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị C1 số tiền 835.616đồng, trả lại cho bà Đỗ Thị D1 số tiền 1.671.233đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị L1 số tiền 2.506.849đồng, trả lại cho bà Phạm Thị V số tiền 1.671.233đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị M2 số tiền 3.342.466đồng, trả lại cho bà Lê Thị Mỹ L2 số tiền 1.671.233đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị K số tiền 1.671.233đồng, trả lại cho bà Lê Thị L3 số tiền 1.671.233đồng, trả lại cho bà Huỳnh Thị V1 số tiền 2.506.849đồng, trả lại cho bà Phạm Thị T9 số tiền 1.671.233đồng, trả lại cho bà Bạch Thị N số tiền 1.671.233đồng, trả lại cho bà Võ Thị Ú số tiền 835.616đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị V2 số tiền 1.671.233đồng, trả lại cho bà Đỗ Thị N1 số tiền 417.808đồng, trả lại cho bà Hồ Thị N2 số tiền 835.616đồng, trả lại cho bà Đinh Thị Đ1 số tiền 1.671.233đồng, trả lại cho bà Lê Thị T10 số tiền 2.506.849đồng, trả lại cho bà Cao Thị Thanh T8 số tiền 4.178.082đồng, trả lại cho bà Bùi Thị L số tiền 3.342.466đồng, trả lại cho bà Phạm Thị M1 số tiền 9.191.781đồng, trả lại cho bà Phạm Thị T11 số tiền 5.013.699đồng, trả lại cho bà Phạm Thị Hồng L4 số tiền 2.506.849đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị C2 số tiền 5.097.260đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị B số tiền 1.253.425đồng, trả lại cho bà Trần Thị T12 số tiền 3.342.466đồng, trả lại cho bà Tô Thị T13 số tiền 1.671.767đồng, trả lại cho bà Lê Thị Đ2 số tiền 1.002.740đồng, trả lại cho bà Trương Thị Mỹ T14 số tiền 2.506.849đồng, trả lại cho bà Lê Thị H5 số tiền 1.671.233đồng, trả lại cho bà

Nguyễn Thị X số tiền 1.671.233đồng, trả lại cho bà Võ Thị B1 số tiền 1.253.425đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H6 số tiền 2.005.479đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị L5 số tiền 835.616đồng, trả lại cho bà Tiêu Thị H7 số tiền 1.002.740đồng, trả lại cho bà Lê Thị Bích H8 số tiền 3.342.466đồng, trả lại cho bà Hồ Thị T15 số tiền 5.013.699đồng, trả lại cho bà Mai Thị T16 số tiền 2.506.849đồng, trả lại cho bà Bùi Thị V3 số tiền 1.671.233đồng, trả lại cho bà Phạm Thị H9 số tiền 1.671.233đồng, trả lại cho bà Lưu Thị T17 số tiền 1.671.233đồng, trả lại cho bà Trần Thị H10 số tiền 1.671.233đồng, trả lại cho bà Trần Thị Mai P3 số tiền 835.616đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị Phương T19 số tiền 2.506.849đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H11 số tiền 1.671.233đồng, trả lại cho bà Ngô Thị Lan A1 số tiền 5.013.699đồng, trả lại cho bà Hồ Thị Bích K1 số tiền 2.506.849đồng, trả lại cho bà Võ Thị Yến N3 số tiền 1.671.233đồng, trả lại cho bà Đặng Thị Thu T20 số tiền 5.013.699đồng, trả lại cho bà Trần Thị N4 số tiền 1.671.233đồng, trả lại cho bà Trần Thị Kim C3 số tiền 1.671.233đồng, trả lại cho bà Hồ Thị Yến N5 số tiền 2.506.849đồng, trả lại cho bà Hồ Thị Y số tiền 6.267.123đồng, trả lại cho bà Lê Thị Thu H12 số tiền 2.256.164đồng, trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc H13 số tiền 3.258.904đồng, trả lại cho bà Vòng Nhì M4 Liên số tiền 2.506.849đồng, trả lại cho bà Lương Thị Thanh T21 số tiền 4.679.452đồng, trả lại cho bà Đinh Thị Thu T22 số tiền 2.924.658đồng, trả lại cho ông Nguyễn Tấn T23 số tiền 1.253.425đồng, ông Tu Thanh B2 số tiền 417.808đồng và trả lại cho ông Đỗ Tiến M3 số tiền 2.506.849đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

3.1. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với: 01 bì mã số PS3 24273534 bên trong chứa 01 (một) điện thoại di động Iphone 14 Pro Max có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh, có chữ ký của Nguyễn Phương Đ4; 01 bì mã số PS3 24273535 bên trong chứa 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Pro Max có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh, có chữ ký của Nguyễn Phương Đ4; 01 bì mã số PS3 24273536 bên trong chứa 01 (một) điện thoại di động Vivo V25e có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh, có chữ ký của Nguyễn Phương Đ4; 01 bì mã số PS3 24273537 bên trong chứa 01 (một) điện thoại di động OPPO có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh, có chữ ký của Nguyễn Phương Đ4; 01 bì mã số PS3 24273538 bên trong chứa 01 (một) điện thoại di động Galaxy A04 có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh, có chữ ký của Nguyễn Phương Đ4; 01 bì mã số PS3 24273539 bên trong chứa 01 (một) điện thoại di động Iphone Xs max có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh, có chữ ký của Nguyễn Phương Đ4; 01 bì màu trắng bên trong chứa 01 (một) máy tính xách tay hiệu DELL, có đóng dấu của Phòng K2 Công an tỉnh, có chữ ký của Nguyễn Phương Đ4 theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/10/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Ngãi.

3.2. Đối với số tiền 70.000.000đồng do bị cáo Nguyễn Phi Đ3 nộp 40.000.000đồng, bị cáo Tạ Đình Q nộp 20.000.000đồng và bị cáo Huỳnh Thị Bích T4 nộp 10.000.000đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi theo các biên lai thu tiền số 0000624 ngày 21/10/2025, biên lai số 0000648 ngày 23/10/2025 và biên lai số 0000623 ngày 21/10/2025: Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Phi Đ3, Tạ Đình Q, Nguyễn Văn Đ, Huỳnh Thị Bích T4, Hồ Thị Xuân P1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam số 1 - Công an T. Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 1 - Quảng Ngãi;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mến